

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HSST
Ngày 26/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2024/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024, đối với:

Bị cáo MAI VĂN T.

Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1983; tại: Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Văn C, sinh năm 1959 và con bà Vũ Thị T, sinh năm 1961; có vợ là Bùi Thị N, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2023.

- Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1. Sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ dân phố X, phường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Gia Linh. Sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông T1, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Lê Đình C. Sinh năm 1945.

Trú tại: Tổ X, phường Y, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị N. Sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Kế hoạch số: 68/KH-Đ6 ngày 10/6/1024 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, Đội Cảnh sát giao thông đường bộ số 2 đã phân công các đồng chí Biện Ngọc T (tổ trưởng), Cao Tiến A, Nguyễn Gia L và Nguyễn Văn T1 đều là cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát giao thông tiến hành tuần tra kiểm soát giao thông, xử lý vi phạm về nồng độ cồn từ Km 80 đến Km 110 quốc lộ 26.

Vào lúc 19 giờ ngày 11/6/2024, theo sự phân công đồng chí Nguyễn Gia L và Nguyễn Văn T1 sử dụng xe mô tô chuyên dụng biển số 47A1-000.09 tiến hành tuần tra trên đoạn đường từ Km 80 đến Km 110 quốc lộ 26; đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi tiến hành tuần tra đến đoạn đường Km100 Quốc lộ 26 thuộc tổ dân phố 3A, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar thì phát hiện Mai Văn T điều khiển xe mô tô biển số 48F4-7379 lưu thông trên đường Quốc lộ 26 theo hướng huyện Ea Kar đi huyện Krông Pắc về nhà; nghi ngờ T có sử dụng rượu, bia nên đồng chí L ra tín hiệu yêu cầu T dừng xe mô tô lại để kiểm tra điều kiện điều khiển xe mô tô và kiểm tra nồng độ cồn đối với T. Khi T dừng xe mô tô lại, đồng chí L yêu cầu T xuất trình giấy tờ cá nhân và giấy tờ liên quan đến xe mô tô nhưng T không xuất trình được các giấy tờ mà đồng chí L yêu cầu. Sau đó, đồng chí L yêu cầu T đo nồng độ cồn trong hơi thở nhưng T không chấp hành. Tiếp đó, T có lời nói chửi bới, lăng mạ đồng chí L, đồng chí T1 và dùng tay xô đẩy xe mô tô của mình ngã xuống đường; lúc này, đồng chí T1 đã giải thích và yêu cầu T chấp hành việc đo nồng độ cồn nhưng T vẫn không chấp hành. Đồng thời, T cởi mũ bảo hiểm đang đội trên đầu ném vào xe mô tô biển số 48F4-7379; đồng chí T1 tiếp tục giải thích nhưng T vẫn không chấp hành và bỏ đi ra đứng cách xe mô tô khoảng 15m nên đồng chí L đã dựng xe mô tô lên và ngồi lên xe mô tô của T để điều khiển xe mô tô về chốt lập biên bản. Thấy vậy, T nhặt mũ bảo hiểm lên và đi lại dùng chân đạp vào xe mô tô biển số 48F4-7379. Lúc này, đồng chí T1 vào can ngăn và khống chế nhưng T vùng ra được; rồi T cầm mũ bảo hiểm ở tay trái đánh về phía tay phải của đồng chí T1 nhưng đồng chí T1 dùng tay gạt ra nên không trúng; tiếp đó, T dùng tay trái đánh vào vai phải của đồng chí T1. Sau đó, T bỏ chạy khỏi hiện trường, tổ công tác đuổi theo nhưng không khống chế, bắt giữ được T nên đồng chí T1 và đồng chí L đã đưa xe mô tô biển số 48F4-7379 về chốt và tiến hành lập biên bản tạm giữ phương tiện.

Hành vi chống người thi hành công vụ của Mai Văn T đã được đồng chí Nguyễn Gia L và một người phụ nữ đứng bên đường đối diện sử dụng điện thoại di động ghi lại.

Ngày 12/6/2024, T đã đến chốt của tổ Cảnh sát giao thông đường bộ số 2 Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk để làm việc và đã khai nhận hành vi chống người thi hành công vụ của mình.

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 USB màu đỏ đen, bên trên có in dòng chữ ADATA C008/16GB, bên trong có chứa 02 đoạn video: 01 đoạn có thời lượng là 01 phút 36 giây và 01 đoạn video có thời gian là 01 phút 45 giây; 01 USB màu trắng, bên trên có in dòng chữ LECUN, bên trong có chứa 01 đoạn video có thời gian là 01 phút 37 giây được quay bằng điện thoại di động, bắt đầu vào lúc 19 giờ 42 phút, kết thúc lúc 19 giờ 43 phút ngày 11/6/2024 do đồng chí Nguyễn Gia L giao nộp. Đây là các đoạn video quay lại hình ảnh Mai Văn T có hành vi chống người thi hành công vụ nên lưu cùng hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số: 1205/KL-KTHS ngày 28/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Tập tin video (kí hiệu: A1): Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh. Trích xuất được 1409 tập tin hình ảnh từ video trong thời gian từ 00 phút 39 giây đến 1 phút 35 giây.

- Tập tin video (kí hiệu: A2): Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh. Trích xuất được 1128 tập tin hình ảnh từ video trong thời gian từ 00 phút 25 giây đến 1 phút 10 giây.

- Tập tin video (kí hiệu: A3): Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh. Trích xuất được 243 tập tin hình ảnh từ video trong thời gian từ 00 phút 02 giây đến 00 phút 10 giây; 511 tập tin hình ảnh từ video trong thời gian từ 01 phút 00 giây đến 01 phút 17 giây.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 48F4 –7379, nhãn hiệu Sufat, màu nâu, do Lê Đình C đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, ông C đã bán xe mô tô trên

cho bị cáo Mai Văn T vào năm 2014 nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do vậy, đây là tài sản chung của bị cáo T và vợ là Bùi Thị N. Quá trình điều tra, xác định bị cáo T không sử dụng xe mô tô biển số 48F4 –7379 làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ nên cần trả lại xe mô tô trên cho bị cáo T và bà N.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Mai Văn T tại phiên tòa là phù hợp với nội dung bản cáo trạng; lời khai của bị cáo, người liên quan, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận giám định; vật chứng của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, Mai Văn T điều khiển xe mô tô biển số 48F4 –7379 lưu thông trên đường Quốc lộ 26 thuộc tổ dân phố 3A, thị trấn Ea Kar để về nhà thì gặp đồng chí Nguyễn Văn T1 và đồng chí Nguyễn Gia L đang được giao nhiệm vụ tuần tra kiểm soát giao thông, xử lý vi phạm về nồng độ cồn từ Km 80 đến Km 110 Quốc lộ 26. Lúc này, đồng chí L ra tín hiệu yêu cầu T dừng xe mô tô lại để kiểm tra điều kiện điều khiển xe mô tô và kiểm tra nồng độ cồn đối với T; sau khi dừng xe mô tô lại, T đã không xuất trình giấy tờ mà đồng chí L yêu cầu và không chấp hành việc đo nồng độ cồn trong hơi thở. Đồng thời, T có lời nói chửi bới, lăng mạ rồi dùng mũ bảo hiểm đánh về phía tay phải của đồng chí T1 nhưng không trúng; tiếp đó, T dùng tay trái đánh vào vai phải của đồng chí T1 làm cản trở người đang thi hành công vụ.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 330 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đủ nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo biết và buộc phải biết tai nạn giao thông đang là vấn đề nhức nhối trong toàn xã hội; lực lượng Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chính là nhằm đảm bảo an giao thông, an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mỗi người dân và toàn xã hội. Lẽ ra khi lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra điều kiện điều khiển xe mô tô và kiểm tra nồng độ cồn đối bị cáo thì bị cáo phải nghiêm chỉnh chấp hành, nhưng bị cáo lại chống đối, cản trở người thi hành công vụ. Bị cáo đã không xuất trình giấy tờ, không chấp hành việc đo nồng độ cồn trong hơi thở; dùng tay xô đổ xe mô tô của mình ngã xuống đường, cởi mũ bảo hiểm đang đội ném vào xe mô tô. Đồng thời, bị cáo chửi bới, lăng mạ, xúc phạm đồng chí L, đồng chí T1 và dùng tay trái đánh vào vai phải của đồng chí T1 làm cản trở đồng chí L, đồng chí T1 thi hành công vụ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước; làm giảm hiệu lực quản lý của cơ quan Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét về nhân thân, bị cáo là công dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi, ngày 12/6/2024, bị cáo T đã đến chốt của tổ Cảnh sát giao thông đường bộ số 2, Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk để làm việc và đã khai nhận hành vi chống người thi hành công vụ của mình, trực tiếp xin lỗi đồng chí L, đồng chí T1. Bị cáo có ông nội là Mai Công C là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương chiến công hạng ba, 03 Huân chương giải phóng hạng nhất, nhì, ba, 01 Huân chương vẻ vang; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo bị bệnh suy tuyến giáp, giảm khả năng lao động, không có việc làm ổn định, đang nuôi con nhỏ sinh năm 2023; bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều

kiện, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những xem xét, đánh giá, nhận định trên, xét mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Mai Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần chấp nhận.

- Đối với hành vi dùng vũ lực của bị cáo T. Quá trình chống đối, cản trở người đang thi hành công vụ nêu trên, T có hành vi dùng vũ lực với đồng chí Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên, đồng chí T1 không bị thương tích gì và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Quá trình điều tra, Mai Văn T trình bày: Ngày 11/6/2024, trước khi tham gia giao thông T có sử dụng rượu, bia. Tuy nhiên, T không nhớ là sử dụng bao nhiêu; cơ quan chức năng không đo được nồng độ cồn trong máu cũng như hơi thở của T vào ngày 11/6/2024. Vì vậy, không có căn cứ để xử phạt đối với hành vi nêu trên đối với T.

[4] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 48F4 –7379, nhãn hiệu Sufat, màu nâu, do Lê Đình C đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, ông C đã bán cho bị cáo T vào năm 2014 nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do vậy, đây là tài sản chung của bị cáo T và vợ là Bùi Thị N. Quá trình điều tra, xác định bị cáo T không sử dụng xe mô tô biển số 48F4 –7379 làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ nên cần trả lại xe mô tô trên cho bị cáo T và bà N.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Mai Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Mai Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Mai Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Mai Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng

án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Mai Văn T phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Mai Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo Mai Văn T và bà Bùi Thị N 01 chiếc xe mô tô biển số 48F4 – 7379, nhãn hiệu Sufat, màu nâu, số khung RPJWCG1PJ5A502921, số máy VPJL1P50FMG502921, do Lê Đình C đứng tên chủ sở hữu, vì bị cáo không dùng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

(Đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar,
THA phạt tù (để thi hành);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải